TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÂM Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2025/QĐST-VHNGĐ	*Lâm Đ, ngày 12 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Một bên là: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm: 2003

Địa chỉ: Số 12 Phù Đổng Thiên V, tổ 1, xã Đức Tr, tỉnh Lâm Đ;

Địa chỉ liên hệ: Số 66 Lữ G, phường Lâm V – Đà L, tỉnh Lâm Đ

Và một bên là: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 2002

Địa chỉ: Tổ Tân S, xã Lương S, tỉnh Bình Th

Địa chỉ liên hệ: Tổ Lâm Văn Th, Phường Xuân Tr – Đà L, tỉnh Lâm Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về quan hệ hôn nhân:***

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Liên N, huyện Đức Tr, tỉnh Lâm Đ (*Nay là UBND xã Đức Tr, tỉnh Lâm Đ*) vào ngày 24/8/2023. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân, theo chị L và anh S trình bày thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến cuối tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải nhau nguyên nhân do không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, vợ chồng không qua lại, thăm hỏi nhau, không tìm hiểu nguyên nhân khắc phục mâu thuẫn. Hiện vợ chồng chị L và anh S cùng xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên vợ chồng đồng thuận ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết.

[2]. ***Về con chung:***

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Ph, sinh ngày: 09/11/2023.

Hiện con đang sống cùng chị L tại Số 66 Lữ G, phường Lâm V – Đ, tỉnh Lâm Đ.

Khi ly hôn, chị L và anh S cùng thoả thuận giao con cho mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn S sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên với số tiền là 3.000.000đ/tháng (*Ba triệu đồng/tháng*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tháng 9/2025.

[3]. ***Về tài sản chung:*** Chị L và anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về *nợ chung:* Chị L và anh S xác định, Vơ chồng không có nợ chung.

[5]. ***Về án phí, lệ phí Tòa án:*** Chị L và anh S thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Ph sinh ngày: 09/11/2023.

Khi ly hôn anh chị thoả thuận giao con cho mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn S thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên với số tiền là 3.000.000đ/tháng (*Ba triệu đồng/tháng*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tháng 9/2025.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị L và anh S xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và anh S xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn S nhận chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã

nộp theo biên lai thu số 0002455 ngày 19/8/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đ;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lâm Đ;
- UBND thị trấn Liên Ng, huyện Đức Tr *(Nay là xã Đức Tr),* tỉnh Lâm Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đặng Thị Thới